CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA --- Số: ...479.../2023-CV-NVLG V/v: Công bố thông tin định kỳ về tình hình thanh toán gốc, lãi	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc --- *TP. Hồ Chí Minh, ngày ..29.. tháng ..08.. năm 2023*

Kính gửi:
- **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**
- **NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU**

Căn cứ quy định tại Thông tư số 122/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo theo quy định của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va gửi nội dung công bố thông tin định kỳ về tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu như sau:

1. Thông tin doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va
- Địa chỉ trụ sở chính: 313B-315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Số điện thoại: (84) 906 35 38 38
- Địa chỉ thư điện tử: ir@novaland.com.vn
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:
  - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: kinh doanh bất động sản);
  - Xây dựng công trình công ích khác;
  - Xây dựng công trình thủy;
  - Xây dựng công trình khai khoáng;
  - Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;
  - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
  - Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
  - Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
  - Xây dựng nhà để ở;
  - Xây dựng nhà không để ở;
  - Xây dựng công trình đường sắt;
  - Xây dựng công trình đường bộ;
  - Xây dựng công trình điện;
  - Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Chi tiết: Các công tác thi công khác);

- Hoạt động thiết kế chuyên dụng (Chi tiết: Dịch vụ thiết kế kỹ thuật cho việc lắp đặt cơ khí và lắp đặt điện cho các tòa nhà; Dịch vụ thiết kế kỹ thuật cho việc xây dựng cho các công trình kỹ thuật dân dụng);
- Hoạt động tư vấn quản lý (Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý; Dịch vụ tư vấn quản lý dự án khác với dịch vụ xây dựng);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Chi tiết: Môi giới bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản; Tư vấn bất động sản; Sàn giao dịch bất động sản).

2. Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu:

- Kỳ báo cáo: Bán niên (từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023).

Thông tin chi tiết thanh toán gốc, lãi trái phiếu của doanh nghiệp theo Phụ lục đính kèm.

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác của thông tin công bố nêu trên./.

Nơi nhận:
- Như trên
- Lưu: VP

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

M.S.D.N: 0301444753-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NG TECK YOW
TỔNG GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC TÌNH HÌNH THANH TOÁN GỐC LÃI

Ghi chú

- Mã trái phiếu là mã định danh được sử dụng để nhận diện một cách thống nhất trái phiếu do doanh nghiệp phát hành
- Ngày thanh toán thực tế là ngày cuối cùng phát sinh trả tiền lãi/gốc tương ứng với một Ngày TT theo kế hoạch trong kỳ
- Giá trị lưu hành (theo mệnh giá) (3) được hệ thống lấy từ DMTP nhưng DN được phép sửa.
- Trả lãi/ Trả gốc : 1 Trả lãi - 2 Trả gốc
- Ngày TT theo kế hoạch (6) được hệ thống lấy từ DMTP nhưng DN được phép sửa.
- Đối với các TP có lịch trả gốc/lãi: Khi xuất form dữ liệu hệ thống tự xuất sẵn toàn bộ các kỳ trả lãi và gốc phát sinh trong kỳ với thông tin từ cột 1-6. DN chỉnh sửa cột 6 (nếu cần) và bổ sung các thông tin từ 7-10
- Đối với các TP không có thông tin lịch trả gốc/lãi trên hệ thống: đề nghị DN tự bổ sung thêm dòng và điền thông tin từ cột 2-11

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
STT	**Mã trái phiếu (*)**	**Giá trị lưu hành theo mệnh giá tại ngày TT danh nghĩa (DN công bố)**	**Trả lãi/ Trả gốc (*)**	**Ngày TT danh nghĩa (*)**	**Ngày TT theo kế hoạch (*)**	**Số tiền phải thanh toán (*)**	**Số tiền đã thanh toán**	**Ngày thanh toán thực tế (*)**	**Lãi suất trả lãi trong kỳ (%/năm) (*)**	**Lý do chậm/không thanh toán gốc lãi (*)**
1	Novaland.Bond.2019	650.000.000.000	1	28/03/2023	28/03/2023	23.640.410.959	23.640.410.959	28/03/2023	14,75%	
2	Novaland.Bond.2019	650.000.000.000	1	28/06/2023	28/06/2023	25.804.109.589	-	-	15,75%	TCPH đang thương thảo hồ sơ và thực hiện thủ tục gia hạn
3	Novaland.Bond.2019	650.000.000.000	2	28/06/2023	28/06/2023	650.000.000.000	-	-	15,75%	TCPH đang thương thảo và thực hiện thủ tục hồ sơ gia hạn
4	NVL2020-01-350	350.000.000.000	1	26/06/2023	26/06/2023	22.156.438.356	22.156.438.356	26/06/2023	11	
5	NVL2020-01-370	370.000.000.000	1	30/06/2023	30/06/2023	23.422.520.548	23.422.520.548	30/06/2023	11	
6	NVL2020-01-460	460.000.000.000	1	30/06/2023	30/06/2023	29.119.890.411	29.119.890.411	30/06/2023	11	
7	NVL2020-01-480	480.000.000.000	1	17/01/2023	17/01/2023	26.858.958.904	26.858.958.904	17/01/2023	11	
8	NVL2020-01-500	500.000.000.000	1	17/01/2023	17/01/2023	27.978.082.192	27.978.082.192	17/01/2023	11	
9	NVL2020-01-400	400.000.000.000	1	22/01/2023	22/01/2023	22.584.109.588	22.584.109.588	22/01/2023	11	
10	NVL2020-01-440	440.000.000.000	1	29/01/2023	29/01/2023	25.397.041.097	25.397.041.097	29/01/2023	11	
11	NVL2020-02-450	450.000.000.000	1	14/02/2023	14/02/2023	26.654.794.521	26.654.794.521	14/02/2023	11	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
STT	Mã trái phiếu (*)	Giá trị lưu hành theo mệnh giá tại ngày TT danh nghĩa (DN công bố)	Trả lãi/ Trả gốc (*)	Ngày TT danh nghĩa (*)	Ngày TT theo kế hoạch (*)	Số tiền phải thanh toán (*)	Số tiền đã thanh toán	Ngày thanh toán thực tế (*)	Lãi suất trả lãi trong kỳ (%/năm) (*)	Lý do chậm/không thanh toán gốc lãi (*)
12	NVL2020-02-100	100.000.000.000	1	17/02/2023	17/02/2023	5.923.287.674	5.923.287.674	17/02/2023	11	
13	NVL2020-02-150	150.000.000.000	1	18/02/2023	18/02/2023	8.884.931.506	8.884.931.506	18/02/2023	11	
14	NVL2020-02-250	250.000.000.000	1	20/02/2023	20/02/2023	14.934.246.575	14.934.246.575	20/02/2023	11	
15	NVL2020-02-200	200.000.000.000	1	22/02/2023	22/02/2023	11.947.397.258	11.947.397.258	22/02/2023	11	
16	NVL2020-03-190	190.000.000.000	1	25/02/2023	25/02/2023	11.350.027.398	11.350.027.398	25/02/2023	11	
17	NVL2020-03-140	140.000.000.000	1	26/02/2023	26/02/2023	8.363.178.083	8.363.178.083	26/02/2023	11	
18	NVL2020-02-350	350.000.000.000	1	28/02/2023	28/02/2023	20.907.945.205	20.907.945.205	28/02/2023	11	
19	NVL2020-03-240	240.000.000.000	1	28/02/2023	28/02/2023	14.336.876.714	14.336.876.714	28/02/2023	11	
20	NVL2020-03-290	290.000.000.000	1	28/02/2023	28/02/2023	17.034.520.547	17.034.520.547	28/02/2023	11	
21	NVL2020-03-340	340.000.000.000	1	28/02/2023	28/02/2023	19.971.506.848	19.971.506.848	28/02/2023	11	
22	NVL2020-03-390	390.000.000.000	1	28/02/2023	28/02/2023	22.908.493.150	22.908.493.150	28/02/2023	11	
23	NVL2020-03-440	440.000.000.000	1	28/02/2023	28/02/2023	25.845.479.450	25.845.479.450	28/02/2023	11	
24	NVL2020-03-470	470.000.000.000	1	28/02/2023	28/02/2023	27.607.671.233	27.607.671.233	28/02/2023	11	
25	NVLH2123003	220.000.000.000	1	20/04/2023	20/04/2023	11.518.356.165	2.303.671.233	20/04/2023	10,50%	TCPH chưa thu xếp đủ nguồn thanh toán
26	NVLH2123003	220.000.000.000	2	20/04/2023	20/04/2023	220.000.000.000	-	-	10,50%	TCPH chưa thu xếp được nguồn thanh toán
27	NVLH2123006	300.000.000.000	1	29/06/2023	29/06/2023	15.706.849.314	-	-	10,50%	TCPH chưa thu xếp được nguồn thanh toán
28	NVLH2123006	300.000.000.000	2	29/06/2023	29/06/2023	300.000.000.000	3.141.369.863	29/06/2023	10,50%	TCPH chưa thu xếp đủ nguồn thanh toán
29	NVLH2123007	137.600.000.000	1	23/01/2023	27/01/2023	3.700.731.507	3.700.731.507	27/01/2023	11,00%	
30	NVLH2123007	137.600.000.000	1	23/04/2023	24/04/2023	3.732.164.386	746.432.877	24/04/2023	11,00%	Tổ chức phát hành hiện

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
STT	Mã trái phiếu (*)	Giá trị lưu hành theo mệnh giá tại ngày TT danh nghĩa (DN công bố)	Trả lãi/ Trả gốc (*)	Ngày TT danh nghĩa (*)	Ngày TT theo kế hoạch (*)	Số tiền phải thanh toán (*)	Số tiền đã thanh toán	Ngày thanh toán thực tế (*)	Lãi suất trả lãi trong kỳ (%/năm) (*)	Lý do chậm/không thanh toán gốc lãi (*)
										đang thương lượng với Trái chủ đối với phần lãi trái phiếu chưa thanh toán
31	NVLH2123009	1.000.000.000.000	1	12/02/2023	13/02/2023	53.219.178.082	-	-	10,5%	TCPH chưa thu xếp được nguồn thanh toán
32	NVLH2123009	1.000.000.000.000	2	12/02/2023	13/02/2023	1.000.000.000.000	53.219.178.082	21/02/2023	10,5%	TCPH chưa thu xếp được nguồn thanh toán
33	NVLH2123009	1.000.000.000.000	2	12/02/2023	13/02/2023	1.000.000.000.000	107.951.091.916	30/06/2023	10,5%	TCPH chưa thu xếp được nguồn thanh toán
34	NVLH2123010	864.300.004.000	1	17/03/2023	17/03/2023	44.987.355.115	8.997.471.023	17/03/2023	10,50%	- NQ.NSHTP số 03/2023/MBS-NVL ngày 17/03/2023: đồng ý đối với kỳ lãi từ ngày 17/03/2023 đến ngày 19/06/2023: thanh toán tối thiểu 20% lãi trái phiếu, 80% lãi trái phiếu còn lại sẽ được trả chậm nhất vào ngày

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
STT	Mã trái phiếu (*)	Giá trị lưu hành theo mệnh giá tại ngày TT danh nghĩa (DN công bố)	Trả lãi/ Trả gốc (*)	Ngày TT danh nghĩa (*)	Ngày TT theo kế hoạch (*)	Số tiền phải thanh toán (*)	Số tiền đã thanh toán	Ngày thanh toán thực tế (*)	Lãi suất trả lãi trong kỳ (%/năm) (*)	Lý do chậm/không thanh toán gốc lãi (*)
										19/06/2023 ' - NQ.NSHTP số 1906/MBS-NVL ngày 19/06/2023 đồng ý 80% lãi chưa thanh toán của kỳ tính lãi từ ngày 17/03/2023 đến ngày 19/06/2023 sẽ được thanh toán vào ngày 17/03/2025
35	NVLH2123010	864.300.004.000	2	17/03/2023	17/03/2023	-	-	-	10,50%	- NQ.NSHTP số 03/2023/MBS-NVL ngày 17/03/2023: đồng ý gia hạn kỳ hạn trái phiếu đến ngày 19/06/2023 ' - NQ.NSHTP số 1906/MBS-NVL ngày 19/06/2023 đồng ý gia hạn trái phiếu đến ngày 17/03/2025
36	NVLH2123011	1.000.000.000.000	1	01/03/2023	01/03/2023	52.068.493.151	10.413.698.000	01/03/2023	10,50%	TCPH chưa thu xếp đủ

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
STT	Mã trái phiếu (*)	Giá trị lưu hành theo mệnh giá tại ngày TT danh nghĩa (DN công bố)	Trả lãi/ Trả gốc (*)	Ngày TT danh nghĩa (*)	Ngày TT theo kế hoạch (*)	Số tiền phải thanh toán (*)	Số tiền đã thanh toán	Ngày thanh toán thực tế (*)	Lãi suất trả lãi trong kỳ (%/năm) (*)	Lý do chậm/không thanh toán gốc lãi (*)
										nguồn thanh toán
37	NVLH2123013	258.420.000.000	1	15/03/2023	15/03/2023	12.442.538.837	-	16/03/2023	10,50%	Tổ chức phát hành chưa thu xếp đủ nguồn thanh toán
38	NVLH2123013	255.931.492.233	2	28/03/2023	28/03/2023	258.420.000.000	2.488.507.767	16/03/2023	10,50%	Tổ chức phát hành chưa thu xếp đủ nguồn thanh toán
39	NVLH2123014	1.000.000.000.000	1	08/03/2023	08/03/2023	31.643.835.616	-	-	10,5%	TCPH chưa thu xếp được nguồn thanh toán
40	NVLH2123014	1.000.000.000.000	2	08/03/2023	08/03/2023	1.000.000.000.000	10.413.698.630	19/05/2023	-	TCPH chưa thu xếp được nguồn thanh toán
41	NVLH2123014	1.000.000.000.000	2	08/03/2023	08/03/2023	1.000.000.000.000	73.788.549.501	21/06/2023	-	TCPH chưa thu xếp được nguồn thanh toán
42	NVLH2124002	225.000.000.000	2	20/03/2023	20/03/2023	25.000.000.000	25.000.000.000	20/03/2023	10,50%	
43	NVLH2223007	625.700.000.000	1	31/03/2023	31/03/2023	29.639.323.290	29.639.323.290	31/03/2023	9,50%	
44	NVLH2223007	625.700.000.000	2	31/03/2023	31/03/2023	625.700.000.000	-	-	9,50%	TCPH chưa thu xếp được nguồn thanh toán
45	NVLH2223008	157.300.000.000	1	31/03/2023	31/03/2023	7.686.583.011	7.686.583.011	31/03/2023	9,80%	
46	NVLH2224005	500.000.000.000	1	16/02/2023	16/02/2023	26.465.753.423	26.465.753.423	02/03/2023	10,50%	
47	NVLH2224006	1.500.000.000.000	1	15/03/2023	15/03/2023	63.981.727.936	12.796.345.587	21/03/2023	10,5%	TCPH chưa thu xếp được nguồn thanh toán

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
STT	Mã trái phiếu (*)	Giá trị lưu hành theo mệnh giá tại ngày TT danh nghĩa (DN công bố)	Trả lãi/ Trả gốc (*)	Ngày TT danh nghĩa (*)	Ngày TT theo kế hoạch (*)	Số tiền phải thanh toán (*)	Số tiền đã thanh toán	Ngày thanh toán thực tế (*)	Lãi suất trả lãi trong kỳ (%/năm) (*)	Lý do chậm/không thanh toán gốc lãi (*)
48	NVLH2224006	1.500.000.000.000	1	08/03/2023	08/03/2023	13.574.895.312	-	-	10,5%	TCPH chưa thu xếp được nguồn thanh toán
49	NVLH2224006	1.500.000.000.000	2	08/03/2023	08/03/2023	271.200.700.000	2.824.202.358	22/03/2023	-	TCPH chưa thu xếp được nguồn thanh toán
50	NVLH2224006	1.500.000.000.000	2	08/03/2023	08/03/2023	271.200.700.000	13.379.567.269	29/06/2023	-	TCPH chưa thu xếp được nguồn thanh toán
51	NVLH2232001	5.543.000.000.000	1	19/05/2023	19/05/2023	564.411.479.167	15.625.000.000	21/11/2022	10%	Doanh nghiệp gặp khó khăn về dòng tiền, đang thương thảo với trái chủ
52	NVLH2232001	5.543.000.000.000	1	19/05/2023	19/05/2023		102.075.000.000	06/02/2023	10%	Doanh nghiệp gặp khó khăn về dòng tiền, đang thương thảo với trái chủ
53	NVLH2232002	231.000.000.000	1	19/05/2023	19/05/2023	18.939.433.333	-	-	8%	Doanh nghiệp gặp khó khăn về dòng tiền, đang thương thảo với trái chủ